

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/HC-ST

Ngày 24 - 11 - 2023

V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Ngọc Tươi;

Bà Trần Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 17/2023/TLST-HC ngày 07 tháng 3 năm 2023 về “khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HC ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1955; cư trú tại: **Ấp E, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai**.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 02 năm 2023): Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1967; cư trú tại: **Số F, Tổ B, Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện: **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ**;

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 4245/VPĐK-TCHC ngày 26 tháng 6 năm 2023): Ông **Trịnh Quốc D**, chức vụ: Phó Giám đốc; có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện (Văn bản số: 1532/VPĐK-TCHC ngày 15-3-2023): Ông **Đỗ Thanh T2**, chức vụ: Viên chức **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ**; có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: **Số B, đường P, Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Người khởi kiện bà **Trần Thị T** có yêu cầu khiếu kiện như sau:*

Vào năm 2003, bà **Trần Thị T** có nhận chuyển nhượng một phần đất 266 m² của ông **Hồ Văn C** (chủ sử dụng đất thửa đất số 725, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.200 m², **xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai**. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây, viết tắt là *Giấy chứng nhận*) số V 811630, **Ủy ban nhân dân huyện L** cấp ngày 12/11/2001), hợp đồng chuyển nhượng ngày 20/11/2003 được Chủ tịch **Ủy ban nhân dân xã A** ký xác nhận.

Năm 2022, bà **T** đến Bộ phận một cửa thuộc **Ủy ban nhân dân huyện L**, ký kết Hợp đồng đo đạc số: 6140/HĐCN/22LT ngày 20/7/2022, với **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ** (sau đây, viết tắt là **VPĐKĐĐ tỉnh Đ**) - **Chi nhánh L**; theo hợp đồng, **VPĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh L** có trách nhiệm biên vẽ thửa đất số 134, tờ bản đồ số 11, diện tích 266 m² và khai thác thông tin thửa đất. Kết quả thực hiện hợp đồng là **PHIẾU TRẢ HỒ SƠ SỐ: 2801/PHD** ngày 28/7/2022, với nội dung: “Trường hợp này bà **Trần Thị T** yêu cầu đo đạc cấp giấy biến động thửa đất số 134, tờ bản đồ số 50, tại **xã A** theo tài liệu bản đồ năm 2007, tương ứng tài liệu bản đồ năm 1994 là một phần thửa số 725, tờ bản đồ số 7, đã được cấp Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận số V 811630 ngày 12/11/2002 cho ông **Hồ Văn C**. Trường hợp này qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ thì giấy chứng nhận của ông **Hồ Văn C** chưa được thu hồi; do đó, tổ đo đạc không thể phát hành bản vẽ cấp giấy biến động theo yêu cầu của bà **Trần Thị T**”.

Theo bà **Trần Thị T**, việc trả hồ sơ nêu trên của **VPĐKĐĐ tỉnh Đ** là trái pháp luật; yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên bố hành vi trả hồ sơ, không thực hiện thủ tục đo đạc chuyển nhượng đối với thửa đất số 725 nêu trên của **VPĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai** là trái quy định của pháp luật.

*2. Người bị kiện **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ** trình bày:*

*2.1. Quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đo đạc dịch vụ đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 50, **xã A, huyện L**:*

Ngày 20/7/2022, **VPĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh L** tiếp nhận hồ sơ đo đạc dịch vụ đất đai của bà **Trần Thị T** theo Hợp đồng đo đạc dịch vụ số:

6140/HĐCN/22LT ngày 20/7/2022, về việc kiểm tra, đo đạc hiện trạng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 50, xã A, huyện L, đất do bà Trần Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Hồ Văn C (theo Giấy chứng nhận số V 811630 cấp ngày 12/11/2001, đối với thửa đất số 725, tờ bản đồ số 7, xã A - Bản đồ địa chính thành lập năm 1993). Kèm theo hồ sơ, bà Trần Thị T cung cấp bản sao chụp Giấy chứng nhận số V 811630.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, VPĐKĐĐ tỉnh Đ - Chi nhánh L đã rà soát, thực hiện các công việc liên quan đến nghiệp vụ đo đạc, tiến hành kiểm tra và đo đạc hiện trạng thực tế thửa đất. Ngày 22/7/2022, VPĐKĐĐ tỉnh Đ - Chi nhánh L đã cùng bà Trần Thị T, thực hiện đo đạc, kiểm tra hiện trạng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 50, xã A, huyện L.

Qua kết quả đo đạc, kiểm tra hiện trạng và chồng ghép bản đồ địa chính VPĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh L phát hiện thửa đất số 134, tờ bản đồ số 50 (bản đồ mới) tương ứng với một phần thửa đất số 723, tờ bản đồ số 7 (bản đồ cũ thành lập năm 1993), chứ không tương ứng với thửa đất số 725, tờ bản đồ số 7 (bản đồ cũ), như thông tin bà Trần Thị T cung cấp ban đầu. Như vậy, hồ sơ đo đạc theo hợp đồng dịch vụ nêu trên không có cơ sở để tiếp tục thực hiện và phát hành bản vẽ kỹ thuật thửa đất theo đề nghị của bà Trần Thị T.

Ngày 28/7/2022, VPĐKĐĐ tỉnh Đ - Chi nhánh L đã có Phiếu trả hồ sơ số: 2801/PHD, về việc hướng dẫn chuyển trả hồ sơ đo đạc của bà Trần Thị T đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân huyện L, để trả lại cho bà Trần Thị T theo quy định.

Ngày 11/8/2022, VPĐKĐĐ tỉnh Đ - Chi nhánh L cũng đã có Biên bản thanh lý hủy hợp đồng số: 6140/HĐCN/22LT với đại diện của bà Trần Thị T là ông Nguyễn Văn T3.

2.2. Ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T:

Như trình bày ở trên, hồ sơ đo đạc dịch vụ đất đai của bà Trần Thị T có sự không chính xác về thông tin và tài liệu liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất (bà Trần Thị T sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 50 (bản đồ mới) tương ứng với một phần thửa đất số 723, tờ bản đồ số 7 (bản đồ cũ thành lập năm 1993), chứ không tương ứng với thửa đất số 725, tờ bản đồ số 7 (bản đồ cũ), như thông tin bà Trần Thị T cung cấp ban đầu) nên không đủ căn cứ để tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ đo đạc đã ký kết.

Mặt khác, Hợp đồng đo đạc số: 6140/HĐCN/22LT, lập ngày 20/7/2022 giữa VPĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh L với bà Trần Thị T về việc kiểm tra,

đo đạc hiện trạng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 50, xã A, huyện L là hợp đồng dịch vụ, đây không phải là thủ tục hành chính. Việc thực hiện hợp đồng dịch vụ này cũng không được quy định trong Bộ thủ tục hành chính ban hành theo Quyết định số: 448/QĐ-UBNDH ngày 17/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Từ những nội dung trên, VPĐKĐĐ tỉnh Đ - Chi nhánh L không thực hiện thủ tục đo đạc cấp biến động thửa đất, chuyển nhượng và có Phiếu trả hồ sơ số: 2801/PHD ngày 28/7/2022 nêu trên là đúng quy định pháp luật; do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

4. Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ và bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện tương đối đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Ngày 22/7/2022, VPĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh L đã cùng bà Trần Thị T thực hiện đo đạc, kiểm tra hiện trạng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 50, xã A (bản đồ mới) bà T đang sử dụng. Kết quả đo đạc, VPĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh L phát hiện thửa đất số 134, tờ bản đồ số 50, tương ứng với một phần thửa đất số 723, tờ bản đồ số 7 (bản đồ năm 1993), chứ không tương ứng với thửa đất số 725 bản đồ số 7 (bản đồ năm 1993) mà bà T đã nhận chuyển nhượng của ông Hồ Văn C.

Theo quy định khoản 1 Điều 106 của Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 86 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP 15/5/2014; khoản 3 Điều 10 Thông tư số: 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, theo đó, nếu việc sai sót, nhầm lẫn thông tin về vị trí của thửa đất (số ô, số thửa, số tờ bản đồ) so với hồ sơ kê khai (hồ sơ cấp giấy chứng nhận lần đầu, hồ sơ xin tách thửa đất...) đã được cơ quan đăng ký đất đai (Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai nơi có đất) kiểm tra, xác nhận thì thực hiện thủ tục đính chính giấy chứng nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai 2013, quy định về việc đính chính giấy chứng nhận đã cấp như sau: “Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm đính chính Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót trong các trường

hợp sau đây: ...b) Có sai sót thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất so với hồ sơ kê khai đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đã được cơ quan đăng ký đất đai kiểm tra xác nhận”.

Về thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp được quy định tại khoản 1 Điều 86 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013: “*Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót cho Văn phòng đăng ký đất đai để đính chính. Trường hợp sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phải có đơn đề nghị để được đính chính*”. Theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số: 24/2014/TT-BTNMT của Bộ T4 ngày 19/5/2014 quy định về hồ sơ địa chính, khi thực hiện thủ tục đính chính Giấy chứng nhận, như sau:

“a) Đơn đề nghị đính chính đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản phát hiện sai sót trên Giấy chứng nhận đã cấp;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra; lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót; lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền thực hiện đính chính vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp có sai sót; đồng thời chỉnh lý nội dung sai sót vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai”.

Trường hợp này, qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ thì Giấy chứng nhận của ông Hồ Văn C chưa được thu hồi; do đó, VPĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh L không thể phát hành bản vẽ cấp giấy biến động theo yêu cầu của bà Trần Thị T.

Đề nghị: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tổ tụng:

Người bị kiện và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị được vắng mặt; căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 157 của Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 (được sửa đổi tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 01-12-2017 và khoản 1 Điều 1 Nghị định số: 148/2020/NĐ-CP ngày 12-12-2020) của Chính

phủ, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Đ, thì hành vi trả hồ sơ, không thực hiện thủ tục đo đạc chuyển nhượng là đối tượng khởi kiện hành vi hành chính.

Căn cứ quy định tại các Điều 3, 30 và 115 của Luật Tổ tụng hành chính, quan hệ pháp luật được xác định là “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính được thực hiện bởi VPĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai; căn cứ khoản 3 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[3] Xét nội dung khiếu kiện:

- Ngày 14-11-2003, bà Trần Thị T giao kết hợp đồng nhận chuyển nhượng từ ông Hồ Văn C diện tích đất 408m², loại đất: ĐM, cắt từ thửa 725, tờ bản đồ số 7, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai, ông C đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận số V 811630, ngày 12/11/2001. Hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã A xác nhận ngày 20-11-2003; hợp đồng này, do bà T nộp theo hồ sơ khiếu kiện (bút lục số 12).

- Theo Luật đất đai 2013, để chuyển nhượng một phần đất trong diện tích cho người khác (không theo diện đồng sở hữu), thì người sử dụng đất phải thực hiện hai bước đó là tách thửa và sang tên cho người nhận chuyển nhượng; mặc dù, các bên chuyển nhượng vào năm 2003, trải qua thời gian dài không tiến hành các thủ tục tách thửa và sang tên; đến khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực, các bên cũng không tiến hành các thủ tục theo quy định; cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 75 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP(được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 3 Nghị định số: 148/2020/NĐ-CP của Chính phủ, hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thì thủ tục tách thửa đối với trường hợp tách thửa để chuyển nhượng thực hiện như sau:

Bước 1: Người có nhu cầu tách thửa đất nộp 1 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 11 Điều 9; Điều 11 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT sửa đổi bởi khoản 1 Điều 2 Thông tư số: 09/2021/TT-BTNMT của Bộ T4 cho Văn phòng Đ, cụ thể:

- Đơn đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm Thông tư 24/2014/TT-BTNMT

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

Bước 2: Văn phòng đăng ký tiếp nhận và xử lý hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, chính xác thì tiếp tục thực hiện các bước sau.

Bước 3: Văn phòng đăng ký tiến hành đo đạc địa chính chia tách thửa đất và lập bản trích lục thửa đất mới tách theo kết quả đo đạc địa chính và chuyển thông tin cho người sử dụng đất.

Bước 4: Sau khi nhận kết quả đo đạc, trích đo từ Văn phòng đăng ký đất đai, người sử dụng tiến hành ký kết hợp đồng, văn bản giao dịch về quyền sử dụng một phần thửa đất mới tách. Hợp đồng phải được công chứng, chứng thực tại Văn phòng Công chứng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013.

Bước 5: Sau khi đã ký kết hợp đồng, các bên tiến hành thực hiện nộp hồ sơ đăng ký biến động sang tên đối với phần quyền sử dụng đất chuyển nhượng.

Bước 6: Văn phòng đăng ký đất đai tiếp nhận hồ sơ và tiến hành các thủ tục liên quan đến việc xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần diện tích còn lại của thửa đất không chuyển quyền; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao cho người sử dụng đất hoặc gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để trao đổi với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã.

Như vậy, dựa theo thủ tục trên thì khi thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có thể thực hiện thủ tục tách thửa xong, ra giấy chứng nhận đối với thửa đất tách thửa hoặc việc tách thửa và chuyển nhượng quyền sử dụng đất có thể được giải quyết đồng thời. Căn cứ trên kết quả đo đạc địa chính, người sử dụng đất có thể tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng và bổ sung hợp đồng để sang tên trong thời gian nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục tách thửa.

- Tại đơn khởi kiện (bút lục số 01) và bản tường trình ngày 24-7-2023 (bút lục số 38), bà **T** khẳng định chỉ nhận chuyển nhượng diện tích **266 m²**, việc hợp đồng (nêu trên) ghi 408 m² là có sự nhầm lẫn. Tuy nhiên, bà **T** không cung cấp được việc điều chỉnh lại hợp đồng giữa hai bên được công chứng, chứng thực theo quy định. **Gần 19 năm sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng**, ngày 20-7-2022, bà **T** mới tiến hành thủ tục yêu cầu đo đạc, tách thửa, để cấp giấy chứng nhận.

- Theo thông tin trên bản đồ địa chính hiện nay do bên bị kiện cung cấp thì bà **Trần Thị T** yêu cầu đo vẽ thực tế tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 50 (bản đồ mới) tương ứng với một phần thửa đất số 723, tờ bản đồ số 07 (bản đồ cũ thành lập năm 1993), không tương ứng với thửa đất số 725, tờ bản đồ số 07 (bản đồ cũ), theo hợp đồng chuyển nhượng như trên.

- Giấy chứng nhận số V 811630 ngày 12/11/2001 nêu trên, khi nộp đơn khởi kiện và cho đến ngày mở phiên tòa bà **Trần Thị T** không nộp bản sao (theo yêu cầu của Tòa án) cũng như không rõ bản gốc hiện nay đang ở đâu và ai đang giữ. Điều này thể hiện, cơ quan quản lý không thể tiến hành các thủ tục cho bà **T** đã nêu tại Bước 1 nêu trên.

- Kết luận: Bà **Trần Thị T** nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ năm 2003 nhưng đến năm 2022 mới làm thủ tục đo đạc, tách thửa, để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích đất sử dụng bà **T** yêu cầu thực hiện đo đạc cũng không đúng với diện tích trong hợp đồng chuyển nhượng; hồ sơ bà **T** nộp và thông tin bà **T** cung cấp cũng chưa đầy đủ và chính xác; do đó, việc VPĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai - **Chi nhánh L** không tiến hành thủ tục đo đạc cấp biến động thửa đất và trả lại hồ sơ theo Phiếu trả hồ sơ số: 2801/PHD ngày 28-7-2022 là có cơ sở và đúng pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị T** là không có căn cứ chấp nhận. Trường hợp này, bà **Trần Thị T** cần liên hệ với người chuyển nhượng đất (hoặc người thừa kế nếu họ đã chết), để điều chỉnh lại hợp đồng về diện tích, điều chỉnh lại bản gốc giấy chứng nhận (nếu có sai khác) và tiến hành các thủ tục tách thửa, chuyển nhượng như đã nêu trên.

[4] Án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà **Trần Thị T** được miễn án phí theo Thông báo ngày 24-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[5] Đối với phần trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 3, 30, 32, 115, 193, 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

1. Về khiếu kiện:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị T**, về việc “khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai” đối với người bị kiện **Văn phòng Đăng ký đất đai**

tỉnh Đ (hành vi trả hồ sơ, không thực hiện thủ tục đo đạc cấp biến động thửa đất, chuyển nhượng đối với thửa đất số 725, tờ bản đồ số 07, **xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai**).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà **Trần Thị T** được miễn.

3. Quyền kháng cáo:

- Người khởi kiện được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Người bị kiện được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh L;
- Ủy ban nhân dân xã A;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hành chính và VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành